



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị này có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2018.

### MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

### Thông tin chi tiết

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.3942.8114 - 028.3943.118

E-mail: [info@sbth.vn](mailto:info@sbth.vn)

Website: [www.sbt.vn](http://www.sbt.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung cấp thiết bị trường học, đồ dùng dạy học.
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị văn phòng, đồ dùng văn phòng, đồ chơi trẻ em, đồ chơi có học, đồ chơi trẻ em thông minh, các thiết bị và trò chơi giải trí bằng đồ chơi công nghệ và đồ chơi và trò chơi công nghệ thông minh khác, đồ chơi trẻ em, đồ chơi thông minh.
- In sách giáo khoa hợp pháp và các loại ấn phẩm thông minh và đồ chơi trẻ em.
- Sản xuất và bán, gửi, cho thuê hàng gô thông minh, đồ chơi, đồ chơi trẻ em, đồ chơi trẻ em, đồ chơi trẻ em, đồ chơi trẻ em.
- Sản xuất đồ chơi trẻ em.
- Sản xuất đồ chơi trẻ em.
- Mua bán hàng xuất (trừ hàng xuất và nhập khẩu ngoại tệ).
- Mua bán thiết bị nghệ thuật, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và dịch vụ.
- Chăm sóc trẻ học, trang phục và đồ dùng học tập thông minh.
- Đào tạo nghệ thuật.
- Cho thuê văn phòng.
- Cho thuê văn phòng.

Giới thiệu sản phẩm

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### Công ty con

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>L.vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 265 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |            |                            |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Lê Huy           | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017   |
| • Ông Từ Trung Đan     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017   |
| • Ông Trần Lê Quang    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015   |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015   |
| • Ông Phan Xuân Hiến   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018   |
| • Ông Đỗ Thành Lâm     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 14/04/2018 |

### Ban Kiểm soát

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015     |
| • Ông Vũ Văn Hà     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015     |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                          |                   |                              |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016     |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/09/2018     |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Từ Trung Đan**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 283/2019/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 14/03/2019 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Cảnh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2725-2018-010-1

#### Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

#### Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.603.971.637</b>	<b>93.813.943.182</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>22.409.903.318</b>	<b>14.499.070.592</b>
1. Tiền	111		7.216.279.894	4.377.079.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.193.623.424	10.121.991.233
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.282.375.309</b>	<b>2.166.805.740</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.282.375.309	2.166.805.740
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.999.508.678</b>	<b>35.481.109.626</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.453.502.608	34.706.836.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	165.925.010	1.000.623.370
3. Các khoản phải thu khác	136	9	547.108.178	224.910.273
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(167.027.118)	(451.260.133)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>36.001.487.820</b>	<b>40.423.923.240</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.174.243.354	41.710.834.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.172.755.534)	(1.286.911.395)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.910.696.512</b>	<b>1.243.033.984</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.837.125.925	1.184.006.979
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	73.570.587	59.027.005
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>51.697.546.782</b>	<b>54.570.632.155</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		11.000.000	11.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.330.872.516</b>	<b>40.172.347.930</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	38.327.678.061	40.159.153.479
- Nguyên giá	222		64.058.013.538	63.063.340.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.730.335.477)	(22.904.187.129)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.194.455	13.194.451
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.805.545)	(16.805.549)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>940.000.000</b>	<b>2.758.181.819</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	940.000.000	2.758.181.819
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.925.674.266</b>	<b>11.139.102.406</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	11.908.502.548	11.109.809.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.171.718	29.292.930
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>155.301.518.419</b>	<b>148.384.575.337</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>41.264.859.333</b>	<b>39.229.943.903</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.264.859.333</b>	<b>39.229.943.903</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.515.264.638	19.305.805.521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		915.539.854	683.537.489
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	697.068.518	750.081.954
4. Phải trả người lao động	314		15.435.220.486	10.059.216.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.723.344.864	2.552.516.707
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.465.675.080	1.397.988.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	717.239.995	800.946.527
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.795.505.898	3.679.851.342
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.036.659.086</b>	<b>109.154.631.434</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>114.036.659.086</b>	<b>109.154.631.434</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	26.474.012.931	21.588.170.127
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.710.502.129	7.689.617.281
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		324.428.281	862.101.972
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.386.073.848	6.827.515.309
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.896.380.487	2.921.080.487
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>155.301.518.419</b>	<b>148.384.575.337</b>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	388.723.208.878	376.086.182.261
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.816.551.560	3.611.376.073
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		384.906.657.318	372.474.806.188
Giá vốn hàng bán	11	24	298.946.985.328	286.416.039.932
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>85.959.671.990</b>	<b>86.058.766.256</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	774.501.486	663.741.287
Chi phí tài chính	22	26	1.050.648.007	2.089.699.109
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		520.670.699	783.864.258
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	27.a	29.428.515.254	34.804.987.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	38.231.104.545	34.093.835.581
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.023.905.670</b>	<b>15.733.985.585</b>
Thu nhập khác	31	28	1.046.355.184	660.328.503
Chi phí khác	32	29	7.154.318	426.070.579
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.039.200.866</b>	<b>234.257.924</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>19.063.106.536</b>	<b>15.968.243.509</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.960.902.394	1.642.779.764
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	12.121.212
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>17.090.082.930</b>	<b>14.313.342.533</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		16.547.679.899	13.805.564.162
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		542.403.031	507.778.371
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.166	1.815
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.166	1.815



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.063.106.536	15.968.243.509
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	4.044.563.132	4.055.432.259
- Các khoản dự phòng	03		(398.388.876)	1.003.573.030
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		55.597	65.308
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(830.099.468)	92.881.316
- Chi phí lãi vay	06		520.670.699	783.864.258
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		22.399.907.620	21.904.059.680
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.176.653.270)	(2.338.252.785)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.536.591.281	(3.512.312.949)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(74.889.126)	11.788.634.623
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	362.108.435	(2.186.518.182)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(520.670.699)	(783.864.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.975.445.976)	(1.502.599.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		97.040.000	43.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.429.051.722)	(4.884.320.393)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>17.218.936.543</b>	<b>18.527.826.632</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.525.188.673)	(2.927.769.009)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		598.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115.569.569)	(176.905.740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	65.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		500.039.931	346.870.300
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(1.541.809.220)</b>	<b>(2.692.804.449)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		40.538.164.900	44.965.603.865
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(40.538.164.900)	(54.512.603.865)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.766.239.000)	(7.694.739.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(7.766.239.000)</b>	<b>(17.241.739.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>7.910.888.323</b>	<b>(1.406.716.817)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.499.070.592	15.905.852.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(55.597)	(65.308)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>22.409.903.318</b>	<b>14.499.070.592</b>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### 1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

**Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông**

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### **Dự phòng**

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

### 4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### 4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.13 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

### Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	102.719.362	448.233.219
Tiền gửi ngân hàng	7.113.560.532	3.928.846.140
Các khoản tương đương tiền	15.193.623.424	10.121.991.233
<b>Cộng</b>	<b>22.409.903.318</b>	<b>14.499.070.592</b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.282.375.309	-	2.166.805.740	-
<b>Cộng</b>	<b>2.282.375.309</b>	<b>-</b>	<b>2.166.805.740</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018				01/01/2018	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP DVXB Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

**7. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	1.155.589.043	636.033.471
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	775.805.800	545.406.867
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	729.225.487	592.280.549
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	362.831.554	998.543.546
Công ty TNHH MTV Nam Gia	5.029.881.778	2.314.137.800
Các đối tượng khác	32.400.168.946	29.620.433.883
<b>Cộng</b>	<b>40.453.502.608</b>	<b>34.706.836.116</b>

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.155.589.043	636.033.471
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	775.805.800	545.406.867
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	729.225.487	592.280.549
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	362.831.554	998.543.546
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	110.081.718	69.517.217
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	36.011.119	247.611.196
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	25.521.536
<b>Cộng</b>		<b>3.169.544.721</b>	<b>3.114.914.382</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Phần Mềm Bravo	109.500.000	-
Công ty TNHH Máy và Công Cụ Rỗng Việt	32.654.490	-
Công ty TNHH Tự Động Hóa ROBOWIND	15.840.000	-
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	-	800.748.450
Các đối tượng khác	7.930.520	199.874.920
<b>Cộng</b>	<b>165.925.010</b>	<b>1.000.623.370</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	82.395.205	-	76.522.883	-
Tạm ứng	233.240.000	-	138.065.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN, BHXH	105.000	-	322.390	-
Phải thu khác	221.367.973	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>547.108.178</b>	<b>-</b>	<b>224.910.273</b>	<b>-</b>

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(121.401.140)	(187.452.178)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(45.625.978)	-
- Trên 3 năm	-	(263.807.955)
<b>Cộng</b>	<b>(167.027.118)</b>	<b>(451.260.133)</b>

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.804.187.574	(50.818.873)	9.036.863.227	(6.615.097)
Chi phí SX, KD dở dang	1.056.514.179	-	1.832.548.843	(17.028.372)
Thành phẩm	10.043.572.201	(149.528.242)	10.264.078.632	(51.633.340)
Hàng hóa	16.269.969.400	(972.408.419)	20.577.343.933	(1.211.634.586)
<b>Cộng</b>	<b>37.174.243.354</b>	<b>(1.172.755.534)</b>	<b>41.710.834.635</b>	<b>(1.286.911.395)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2018 là 1.391.341.940 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2018, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	297.689.110	98.523.696
Chi phí sửa chữa	546.928.058	293.039.450
Chi phí ngoại khóa	248.709.311	360.375.798
Chi phí bảo hiểm	117.956.790	104.668.200
Chi phí trả trước khác	625.842.656	327.399.835
<b>Cộng</b>	<b>1.837.125.925</b>	<b>1.184.006.979</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	725.469.730	710.202.746
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.198.181.451	7.387.607.283
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	2.027.730.976	260.511.688
Sửa chữa, chi phí phân bổ 223 Nguyễn Tri Phương	993.704.265	1.306.798.263
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	911.269.541	1.341.493.866
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	-	71.800.115
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.146.585	31.395.515
<b>Cộng</b>	<b>11.908.502.548</b>	<b>11.109.809.476</b>

(\*) Thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	43.970.900.576	9.631.585.287	8.309.216.239	1.151.638.506	63.063.340.608
Tăng trong năm	-	168.915.500	628.578.182	140.814.546	938.308.228
Đầu tư XDCB HT	1.535.240.000	-	-	-	1.535.240.000
Th.lý, nhượng bán	-	275.987.388	1.202.887.910	-	1.478.875.298
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.506.140.576</b>	<b>9.524.513.399</b>	<b>7.734.906.511</b>	<b>1.292.453.052</b>	<b>64.058.013.538</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	11.566.469.361	6.999.261.856	3.472.806.220	865.649.692	22.904.187.129
Tăng trong năm	1.768.815.442	1.026.936.872	1.125.276.891	113.533.931	4.034.563.136
T/lý, nhượng bán	-	268.628.483	939.786.305	-	1.208.414.788
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.335.284.803</b>	<b>7.757.570.245</b>	<b>3.658.296.806</b>	<b>979.183.623</b>	<b>25.730.335.477</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	32.404.431.215	2.632.323.431	4.836.410.019	285.988.814	40.159.153.479
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.170.855.773</b>	<b>1.766.943.154</b>	<b>4.076.609.705</b>	<b>313.269.429</b>	<b>38.327.678.061</b>

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại thời điểm 31/12/2018.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 5.594.702.617 đồng.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	30.000.000
Mua trong năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>	
Số đầu năm	16.805.549
Khấu hao trong năm	9.999.996
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.805.545</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	13.194.451
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.194.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2018	01/01/2018
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	2.218.181.819
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	540.000.000	540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>940.000.000</b>	<b>2.758.181.819</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	425.142.780	1.020.585.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	77.723.664	73.520.770
Công ty CP Sách Dân tộc	39.165.465	15.406.565
Công ty CP ĐT và Phát triển Giáo dục Phương Nam	32.045.241	386.377.391
Các đối tượng khác	12.941.187.488	17.809.915.795
<b>Cộng</b>	<b>13.515.264.638</b>	<b>19.305.805.521</b>

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	425.142.780	1.020.585.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	77.723.664	73.520.770
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	39.165.465	15.406.565
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	32.045.241	386.377.391
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	23.100.814	-
<b>Cộng</b>		<b>597.177.964</b>	<b>1.495.889.726</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	357.541.670	-	3.959.423.148	4.082.446.501	234.518.317	-
Thuế nhập khẩu	-	-	11.072.393	11.072.393	-	-
Thuế TNDN	-	59.027.005	1.960.902.394	1.975.445.976	-	73.570.587
Thuế TNCN	392.540.284	-	1.768.249.317	1.698.239.400	462.550.201	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.858.981.898	3.858.981.898	-	-
Thuế môn bài	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>750.081.954</b>	<b>59.027.005</b>	<b>11.569.629.150</b>	<b>11.637.186.168</b>	<b>697.068.518</b>	<b>73.570.587</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	2.327.772.864	2.128.934.507
Trích trước chi phí khác	395.572.000	423.582.200
<b>Cộng</b>	<b>2.723.344.864</b>	<b>2.552.516.707</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	9.337.032	12.978.970
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.000.000	-
Cổ tức phải trả	41.117.557	46.967.557
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	440.800.000	741.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.985.406	-
<b>Cộng</b>	<b>717.239.995</b>	<b>800.946.527</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.795.214.815	18.543.624.132	8.905.090.248
Tăng trong năm	-	-	743.552.500	3.044.545.995	13.805.564.162
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.021.037.129
<b>Số tại 31/12/2017</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>21.588.170.127</b>	<b>7.689.617.281</b>
Số tại 01/01/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281
Tăng trong năm	-	-	-	4.885.842.804	16.547.679.899
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.526.795.051
<b>Số tại 31/12/2018</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>26.474.012.931</b>	<b>7.710.502.129</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.689.617.281	8.905.090.248
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	16.547.679.899	13.805.564.162
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.365.189.000	8.042.988.276
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	265.118.189
- Trích quỹ dự trữ	-	64.748.338
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	283.184.411
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	64.748.338
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	9.161.606.051	6.978.048.853
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.885.842.804	2.779.427.806
- Trích quỹ dự trữ	-	678.804.162
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.459.027.793	2.841.012.723
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	816.735.454	678.804.162
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>7.710.502.129</b>	<b>7.689.617.281</b>

**21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	494.468.938	Không còn khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>608.882.678</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	184.165.870.006	175.715.484.190
Doanh thu thiết bị giáo dục	178.141.110.134	175.048.531.626
Doanh thu hoạt động dạy học	24.152.813.600	24.559.821.000
Doanh thu khác	2.263.415.138	762.345.445
<b>Cộng</b>	<b>388.723.208.878</b>	<b>376.086.182.261</b>

### 23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	3.816.551.560	3.611.376.073
	<b>3.816.551.560</b>	<b>3.611.376.073</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn sách và sản phẩm in	162.776.380.413	153.979.094.429
Giá vốn thiết bị giáo dục	118.337.503.439	114.605.817.995
Giá vốn hoạt động dạy học	16.158.776.242	16.267.066.959
Giá vốn khác	1.788.481.095	773.374.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(114.155.861)	790.686.129
<b>Cộng</b>	<b>298.946.985.328</b>	<b>286.416.039.932</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	447.112.253	310.348.049
Chiết khấu thanh toán được hưởng	268.244.620	294.525.593
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	312.902	67.645
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	31.711	-
<b>Cộng</b>	<b>774.501.486</b>	<b>663.741.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. Chi phí tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	520.670.699	783.864.258
Chiết khấu thanh toán phải trả	529.890.000	1.305.739.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	29.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	87.308	65.308
<b>Cộng</b>	<b>1.050.648.007</b>	<b>2.089.699.109</b>

**27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương, các khoản trích theo lương	15.799.262.390	21.123.982.302
Khấu hao TSCĐ	396.631.029	347.736.762
Chi phí vận chuyển	3.117.449.310	2.712.839.179
Tiền thuê đất	1.635.982.560	1.814.138.076
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.402.863.045	6.905.373.195
Các khoản khác	2.076.326.920	1.900.917.754
<b>Cộng</b>	<b>29.428.515.254</b>	<b>34.804.987.268</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương, trích theo lương	23.266.599.730	18.210.302.560
Khấu hao TSCĐ	963.946.142	911.123.474
Thù lao HĐQT	1.045.000.000	1.096.000.000
Tiền thuê đất	725.643.552	1.695.650.416
Các khoản khác	12.229.915.121	12.180.759.131
<b>Cộng</b>	<b>38.231.104.545</b>	<b>34.093.835.581</b>

**28. Thu nhập khác**

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	324.187.215	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	123.370.584	107.589.430
Thanh lý phế liệu	18.024.088	21.596.364
Cho thuê mặt bằng	535.589.130	493.518.877
Thu nhập khác	45.184.167	37.623.832
<b>Cộng</b>	<b>1.046.355.184</b>	<b>660.328.503</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. Chi phí khác**

	Năm 2018	Năm 2017
Giá trị còn lại TSCĐ điều chỉnh giảm	-	425.772.415
Chi phí khác	7.154.318	298.164
<b>Cộng</b>	<b>7.154.318</b>	<b>426.070.579</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.063.106.536</b>	<b>15.968.243.509</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	19.185.888.623	20.787.435.502
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(122.782.087)	(4.819.191.993)
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>579.722.960</b>	<b>806.927.945</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	699.160.731	926.334.005
+ Chi phí không được trừ	699.073.423	926.268.697
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.308	65.308
- Các khoản điều chỉnh giảm	119.437.771	119.406.060
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.711	-
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	60.606.060
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>19.642.829.496</b>	<b>16.775.171.454</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	19.209.400.435	16.479.612.491
- Hoạt động khác không được ưu đãi	433.429.061	295.558.963
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.007.625.855</b>	<b>1.707.073.042</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.920.940.043	1.647.961.249
- Hoạt động khác không được ưu đãi	86.685.812	59.111.793
<b>Thuế TNDN được giảm (ưu đãi tại Công ty con)</b>	<b>46.723.461</b>	<b>64.293.278</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.960.902.394</b>	<b>1.642.779.764</b>
<b>Trong đó:</b>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.960.902.394	1.642.779.764

**31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.547.679.899	13.805.564.162
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.275.763.247)	(3.519.816.885)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.275.763.247	3.519.816.885
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.271.916.652	10.285.747.277
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.166</b>	<b>1.815</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.264.665.288	48.863.447.461
Chi phí nhân công	56.673.070.240	52.198.611.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.044.563.132	4.055.432.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.458.721.512	24.861.880.911
Chi phí khác bằng tiền	12.908.880.689	13.438.250.529
<b>Cộng</b>	<b>143.349.900.861</b>	<b>143.417.622.422</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2018	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.152.813.600	178.141.110.134	186.429.285.144	388.723.208.878
Các khoản giảm trừ	70.173.000	2.268.281.780	1.478.096.780	3.816.551.560
Giá vốn hàng bán	16.158.776.242	118.337.503.439	164.450.705.647	298.946.985.328
Chi phí bán hàng	-	21.697.464.770	7.731.050.484	29.428.515.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.241.314.874	23.585.876.773	8.403.912.898	38.231.104.545
Chi phí lãi vay thuần	(138.300.773)	(86.015.883)	297.875.102	73.558.446
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	48.867.378	(251.455.453)	(202.588.075)
Thu nhập khác	-	86.985.253	959.369.931	1.046.355.184
Chi phí khác	-	-	7.154.318	7.154.318
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.820.850.257</b>	<b>12.473.851.886</b>	<b>4.768.404.393</b>	<b>19.063.106.536</b>

**Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2018**

Phải thu của khách hàng	866.338.218	36.557.548.420	2.862.588.852	40.286.475.490
Hàng tồn kho	279.628.698	31.963.544.138	3.758.314.984	36.001.487.820
Tài sản cố định hữu hình				38.330.872.516
- Tài sản cố định HH của bộ phận	996.750.974	19.964.933.320	-	20.961.684.294
+ Nguyên giá	1.673.390.908	35.468.373.854	-	37.141.764.762
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(676.639.934)	(15.503.440.534)	-	(16.180.080.468)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.369.188.222
+ Nguyên giá	-	-	-	26.946.248.776
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(9.577.060.554)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	40.682.682.593
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>155.301.518.419</b>
Phải trả người bán	309.028.740	10.016.598.300	3.189.637.598	13.515.264.638
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.749.594.695
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>41.264.859.333</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2017	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.559.821.000	175.048.531.626	176.477.829.635	376.086.182.261
Các khoản giảm trừ	13.569.000	1.520.873.775	2.076.933.298	3.611.376.073
Giá vốn hàng bán	16.267.066.959	114.605.817.995	155.543.154.978	286.416.039.932
Chi phí bán hàng	-	26.366.481.459	8.438.505.809	34.804.987.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.691.111.409	20.758.904.844	6.643.819.328	34.093.835.581
Chi phí lãi vay thuần	(165.982.830)	294.473.642	345.025.397	473.516.209
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	82.409.507	(1.034.851.120)	(952.441.613)
Thu nhập khác	-	40.041.424	620.287.079	660.328.503
Chi phí khác	-	322.543.445	103.527.134	426.070.579
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.754.056.462</b>	<b>11.301.887.398</b>	<b>2.912.299.649</b>	<b>15.968.243.509</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2017</b>				
Phải thu của khách hàng	1.130.723.000	31.746.424.455	1.378.428.528	34.255.575.983
Hàng tồn kho	197.276.391	33.182.230.254	7.044.416.595	40.423.923.240
Tài sản cố định hữu hình				40.172.347.930
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.535.421.435	21.321.906.382	-	22.857.327.817
+ Nguyên giá	2.556.006.363	34.743.825.741	-	37.299.832.104
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.020.584.928)	(13.421.919.359)	-	(14.442.504.287)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.315.020.113
+ Nguyên giá	-	-	-	25.793.508.504
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(8.478.488.391)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	33.532.728.185
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>148.384.575.337</b>
Phải trả người bán	323.186.906	14.265.251.771	4.717.366.844	19.305.805.521
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.924.138.382
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>39.229.943.903</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.515.264.638	-	13.515.264.638
Chi phí phải trả	2.723.344.864	-	2.723.344.864
Phải trả khác	707.902.963	-	707.902.963
<b>Cộng</b>	<b>16.946.512.465</b>	<b>-</b>	<b>16.946.512.465</b>
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.305.805.521	-	19.305.805.521
Chi phí phải trả	2.552.516.707	-	2.552.516.707
Phải trả khác	787.967.557	-	787.967.557
<b>Cộng</b>	<b>22.646.289.785</b>	<b>-</b>	<b>22.646.289.785</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	22.409.903.318	-	22.409.903.318
Phải thu khách hàng	40.286.475.490	-	40.286.475.490
Đầu tư tài chính	2.282.375.309	490.000.000	2.772.375.309
Phải thu khác	313.868.178	11.000.000	324.868.178
<b>Cộng</b>	<b>65.292.622.295</b>	<b>501.000.000</b>	<b>65.793.622.295</b>
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.499.070.592	-	14.499.070.592
Phải thu khách hàng	34.255.575.983	-	34.255.575.983
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	2.166.805.740	490.000.000	2.656.805.740
Phải thu khác	86.845.273	11.000.000	97.845.273
<b>Cộng</b>	<b>51.008.297.588</b>	<b>501.000.000</b>	<b>51.509.297.588</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
<b>Mua hàng</b>			
NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	43.393.527	15.820.800
Công ty CP Sách TB GD Miền Nam	Cung ứng SGK, STK, bia	86.007.044.461	84.955.711.065
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	77.000.000	87.360.000
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng sách, VHP	43.065.711.956	45.251.697.917
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	3.018.929.413	4.583.898.229
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	163.758.900	312.809.985
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Cung ứng STK	17.419.947.299	12.970.192.670
<b>Bán hàng</b>			
Công ty Sách Thiết Bị GD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm, dịch vụ lắp đặt	5.865.560.117	13.635.015.605
Nhà xuất bản GD tại TP HCM	Thiết bị	89.858.154	-
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	524.312.925	257.626.892
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	4.032.185.188	14.238.430.777
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	198.059.502	261.902.052
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	1.196.051.266	1.773.339.441
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Thiết bị	2.569.477.740	2.611.011.724
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	4.733.699.455	5.764.829.452
<b>Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Hội đồng quản trị	Thù lao	1.035.200.000	595.800.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.948.197.800	1.978.679.900

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10/01/2019, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 01/BB-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12/02/2019, thực hiện tạm ứng cổ tức từ ngày 20/02/2019.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019